

GIÁO DỤC ĐA TRÍ TUỆ VÀ SỨ MỆNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN BẬC CAO HỌC TẠI VIỆT NAM TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC

Nguyễn Thị Phương Hồng, Phan Nhật Hào, Lý Thị Bích Phượng, Đặng Vũ Hoài Nhân
Khoa Ngoại ngữ, Đại học Cần Thơ

Tóm tắt: Trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục, đào tạo giáo viên bậc sau đại học tại Việt Nam giữ vai trò then chốt trong việc hình thành đội ngũ nhà giáo có tri thức sâu, bản lĩnh nghề nghiệp và khả năng thích ứng trong kỷ nguyên số. Lý thuyết Đa trí tuệ (DTT) mở ra một hướng tiếp cận nhân văn, khẳng định sự đa dạng năng lực trí tuệ của mỗi cá nhân, từ đó tạo nền tảng cho việc thiết kế chương trình đào tạo mang tính cá nhân hóa, giàu trải nghiệm và gắn với thực tiễn. Bài báo này phân tích ý nghĩa của DTT trong đào tạo giáo viên bậc cao học tại Việt Nam, đồng thời đề xuất bốn định hướng: phát triển trí tuệ độc đáo của từng học viên; ứng dụng đa phương thức trong dạy - học; gắn phát triển trí tuệ với chuyển đổi số; và xây dựng năng lực nghiên cứu gắn liền bản sắc học thuật. Những đề xuất này tạo nền tảng để nuôi dưỡng những thế hệ giáo viên sáng tạo và kết nối toàn cầu, đồng thời khẳng định bản sắc văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên vườn mình của dân tộc.

Từ khóa: Lý thuyết Đa trí tuệ; đào tạo giáo viên sau đại học; đổi mới giáo dục; hội nhập quốc tế.

MULTIPLE INTELLIGENCES EDUCATION AND THE MISSION OF GRADUATE TEACHER TRAINING IN VIETNAM IN THE ERA OF NATIONAL ASCENT

Nguyen Thi Phuong Hong, Phan Nhat Hao, Ly Thi Bich Phuong, Dang Vu Hoai Nhan
Faculty of Foreign Languages, Can Tho University

Abstract: Within the context of Vietnam's comprehensive educational reforms, graduate teacher education holds a pivotal role in cultivating teachers with profound pedagogical knowledge and adaptability in the digital era. The theory of Multiple Intelligences (MI) offers a humanistic framework that acknowledges the diversity of individual intellectual potentials, thereby enabling personalized, experiential, and practice-oriented training programs. This article explores the significance of MI in graduate teacher education and proposes four strategic directions: fostering the unique intelligences of each graduate student; integrating multimodality into teaching and learning; linking intelligence development with digital transformation; and cultivating research competence together with academic identity. These recommendations provide a foundation for nurturing generations of teachers who are creative and globally connected, while simultaneously affirming Vietnam's cultural identity in the era of national ascent.

Keywords: Theory of Multiple Intelligences; graduate teacher education; educational reform; international integration

Nhận bài: 16/07/2025

Phản biện: 16/08/2025

Duyệt đăng: 19/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong công cuộc “chấn hưng” và đổi mới toàn diện giáo dục, Việt Nam đang đứng trước một nhiệm vụ chiến lược: xây dựng đội ngũ giáo viên vừa vững chắc về chuyên môn và thích ứng linh hoạt với kỷ nguyên số. Theo Lê và cộng sự (2025), đào tạo giáo viên bậc sau đại học giữ vai trò then chốt. Bậc học này hun đúc tri thức khoa học, bản lĩnh nghề nghiệp và tinh thần sáng tạo đổi mới. Tinh thần này được cụ thể hóa qua Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông (Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT) và Quy định về chuẩn chương trình đào tạo (Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT). Đồng thời, nhiều học giả Việt Nam cũng khẳng định vai trò trung tâm của giáo viên trong tiến trình hội nhập. PGS.TS. Đặng Quốc Bảo từng nhấn mạnh: “Giáo dục Việt Nam phải hội nhập quốc tế nhưng cần giữ được hồn cốt dân tộc”. Quan điểm này cho thấy, công cuộc đổi mới giáo dục chỉ có thể thành công khi đội ngũ giáo viên trở thành những

người học suốt đời, có khả năng sáng tạo, phản tư và đồng hành cùng sự thay đổi. Trong bối cảnh này, Thuyết Đa trí tuệ (DTT) (Theory of Multiple Intelligences) mở ra một hướng tiếp cận nhân văn và chiến lược cho đào tạo giáo viên bậc sau đại học. Vận dụng DTT không chỉ giúp khơi dậy tiềm năng trí tuệ đa dạng của từng học viên, mà còn góp phần kiến tạo bản sắc học thuật, nuôi dưỡng bản lĩnh văn hóa và mở rộng năng lực toàn cầu (Vũ, 2020). Qua đó, đội ngũ giáo viên Việt Nam có thể vừa khẳng định cội nguồn dân tộc, vừa hội nhập sâu rộng với tri thức nhân loại, hiện thực hóa tinh thần mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “*Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người*”. Trên nền tảng ấy, bài viết này tập trung kiến giải sứ mệnh đào tạo giáo viên bậc cao học trong kỷ nguyên hội nhập và chuyển đổi số, đồng thời gợi mở một số định hướng ứng dụng DTT để phát triển đội ngũ giáo viên toàn diện và bền vững.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Lý thuyết DTT

Ra đời vào năm 1983 trong quyển sách mang tựa đề ““Frames of mind” của Tiến sĩ Howard Gardner, DTT mở ra một cách nhìn mới mẻ về tiềm năng con người vượt khỏi khuôn khổ truyền thống vốn chỉ đề cao trí thông minh ngôn ngữ và logic - toán học (Gardner & Hatch, 1989). Ông khẳng định rằng trí tuệ “là khả năng giải quyết các vấn đề hoặc tạo ra các sản phẩm mà các giải pháp hay sản phẩm này có giá trị trong một hay nhiều môi trường văn hóa” (Dương, 2017, tr. 25). Ban đầu, Gardner đề xuất bảy loại trí tuệ, sau đó được mở rộng thành tám và thậm chí gọi mở thêm trí tuệ thiên nhiên và trí tuệ hiện sinh. Trong nghiên cứu ứng dụng, tám loại trí tuệ cơ bản thường được đề cập bao gồm: ngôn ngữ, logic - toán học, âm nhạc, không gian - hội họa, giao tiếp xã hội, nội tâm, vận động - thể chất, và về tự nhiên. Bùi và Dương (2019) cho rằng mỗi cá nhân sở hữu tất cả các dạng trí tuệ này ở những mức độ khác nhau và chúng chỉ thực sự phát triển khi được đặt trong môi trường giáo dục khuyến khích, linh hoạt và giàu trải nghiệm.

Điểm then chốt của lý thuyết DTT là khẳng định sự đa dạng trong năng lực con người, từ đó mở rộng khái niệm “trí tuệ” (intelligence) thành khả năng giải quyết vấn đề hoặc tạo ra sản phẩm có giá trị trong những bối cảnh văn hóa - xã hội cụ thể (Gardner & Moran, 2006). Quan niệm này đưa giáo dục thoát khỏi sự lệ thuộc vào một chuẩn mực duy nhất để tiến tới một tầm nhìn nhân văn hơn, nơi mỗi người học được nhìn nhận, tôn trọng và phát triển theo thể mạnh riêng của mình. Điều đó đồng nghĩa với việc dạy học không chỉ là truyền đạt tri thức hàn lâm mà còn là hành trình bồi dưỡng nghệ thuật, thể chất, năng lực xã hội và khả năng tự thấu hiểu bản thân (Phạm & Lê, 2025; Vũ, 2020). Nhờ vậy, thuyết ĐTT đã trở thành nền tảng quan trọng cho các mô hình giáo dục chú trọng phát triển tiềm năng toàn diện của người học.

Trong hơn bốn thập niên qua, lý thuyết ĐTT đã lan tỏa mạnh mẽ và để lại dấu ấn ở nhiều quốc gia với các mức độ ứng dụng khác nhau. Một số nước như Úc, Canada hay Trung Quốc đã đưa lý thuyết này vào hoạch định chính sách giáo dục; nhiều trường học tích hợp ĐTT như một khung định hướng để đổi mới phương pháp dạy học (Vũ, 2020). Thậm chí, có nơi còn phát triển mô hình

bảo tàng và công viên tương tác nhằm khuyến khích công chúng trải nghiệm đa dạng trí tuệ. Trong đào tạo giáo viên, lý thuyết còn là công cụ thực hành giúp giáo viên thiết kế các hoạt động học tập phù hợp với nhiều phong cách, khả năng và nhu cầu khác nhau của người học. Điều này đặc biệt ý nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hiện nay, khi giáo dục hướng tới sự bao trùm, công bằng và phát triển năng lực toàn diện, đặt người thầy vào vị trí trung tâm của sứ mệnh nuôi dưỡng tiềm năng đa dạng nơi người học.

2.2. Nguyên lý áp dụng DTT trong giáo dục người lớn

“Người lớn đi học” (andragogy) trong một hệ quy chiếu đặc thù, khác hẳn so với trẻ em (Bùi & Dương, 2019). Họ mang theo thế giới quan, nhân sinh quan và giá trị quan cùng mục tiêu gắn liền trực tiếp với công việc, trách nhiệm xã hội và khát vọng hoàn thiện bản thân. Đặc trưng này khiến quá trình học tập của người lớn đề cao sự tôn trọng, tính chủ động và tinh thần bình đẳng. Khi được đặt trong môi trường khuyến khích hợp tác, chia sẻ và khai thác kinh nghiệm cá nhân, họ thường phát huy mạnh mẽ năng lực phản tư và tự điều chỉnh hành động (Phạm & Lê, 2025).

Trong quá trình học tập này, DTT nổi bật như một nền tảng phương pháp luận giàu sức gợi mở. Lý thuyết này khẳng định năng lực con người biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, từ tư duy ngôn ngữ, tư duy logic cho đến âm nhạc, hội họa, vận động, tương tác xã hội hay chiều sâu nội tâm. Khi được vận dụng vào giáo dục người lớn, thuyết này cho phép thiết kế các hoạt động học tập đa dạng và gắn gũi với thực tiễn: phân tích tình huống nghề nghiệp, nghiên cứu trường hợp điển hình, viết phản tư, thảo luận nhóm, hay ứng dụng nghệ thuật và công nghệ. Ý nghĩa ấy càng trở nên thiết yếu trong đào tạo giáo viên bậc cao học. Ở trình độ này, người học vừa là người tiếp nhận, vừa là chủ thể kiến tạo tri thức, đồng thời giữ vai trò hạt nhân của đổi mới giáo dục. Vận dụng DTT trong đào tạo giáo viên góp phần hình thành môi trường học tập toàn diện, nuôi dưỡng tư duy phản biện, phát triển năng lực phản tư và khuyến khích sự sáng tạo trong giảng dạy. Nhờ vậy, đội ngũ nhà giáo tương lai không chỉ vững vàng về tri thức và năng lực sư phạm, mà còn linh hoạt và tầm nhìn để đồng hành cùng hành trình vươn mình mạnh mẽ của nền giáo dục dân tộc trong kỷ nguyên hội nhập.

2.3. Đào tạo giáo viên bậc cao học tại Việt Nam

Những năm gần đây, công cuộc đổi mới toàn diện giáo dục ở Việt Nam đã đặt ra yêu cầu cấp thiết nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên. Một trong những thành phần cốt lõi là đào tạo sau đại học. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông (Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT) nhấn mạnh sự chuyển đổi từ “đào tạo theo quy trình” sang “phát triển năng lực toàn diện”. Định hướng này được thể chế hóa với mục tiêu vừa bồi dưỡng chuyên môn, vừa phát triển năng lực nghiên cứu, tinh thần học tập suốt đời và tư duy đổi mới sáng tạo. Theo Lê và cộng sự (2025), hệ đào tạo giáo viên sau đại học triển khai theo ba hướng chính: (1) Thạc sĩ Giáo dục học, (2) Thạc sĩ Lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn, (3) Thạc sĩ theo học chương trình chuyển đổi nghiệp vụ sư phạm. Các khóa học thường kéo dài 2 năm, được quy định tại Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT, với sự kết hợp giữa học phần lý luận và giai đoạn thực hành sư phạm. Đáng chú ý, những năm gần đây, hoạt động phát triển nghề nghiệp của giáo viên sau đại học đã có bước chuyển tích cực. Các mô hình cộng đồng học tập chuyên môn cùng với chương trình bồi dưỡng theo nhu cầu thực tiễn do các trường sư phạm, tổ chức quốc tế, góp phần định hình xu hướng phát triển nghề nghiệp liên tục (Lê và cộng sự, 2025; Phan và cộng sự, 2025).

Ngoài ra, trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, khi công nghệ số đang tái định hình mọi lĩnh vực đời sống, giáo dục Việt Nam đứng trước yêu cầu cấp bách phải đổi mới phương thức dạy - học và quản trị tri thức nhân loại. Đội ngũ giáo viên tốt nghiệp cao học không chỉ cần vững vàng về chuyên môn và bản lĩnh nghề nghiệp, mà còn phải sở hữu năng lực chuyển đổi số. Năng lực này mở ra cơ hội để giáo viên tham gia vào các mạng lưới học tập toàn cầu, chia sẻ tri thức, đổi mới phương pháp, và lan tỏa những giá trị nhân văn của giáo dục Việt Nam ra thế giới. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đào tạo giáo viên sau đại học ở Việt Nam vẫn thiên về lý thuyết, trong khi cơ hội cho học viên trải nghiệm, phản tư và phát huy thể mạnh cá nhân còn hạn chế. Cách tiếp cận này dễ tạo ra khoảng cách giữa tri thức hàn lâm và thực tiễn nghề nghiệp. Chính vì vậy, việc tích hợp DTT là cần thiết để khắc phục những hạn chế còn tồn đọng trong thiết kế học tập, mở ra khả năng phát huy kinh nghiệm và thúc đẩy sáng tạo của từng cá nhân.

2.4. Gợi ý áp dụng DTT trong đào tạo giáo viên bậc cao học tại Việt Nam

Trong tiến trình đổi mới căn bản và toàn diện của nền giáo dục, đào tạo giáo viên bậc cao học tại Việt Nam đảm nhiệm một sứ mệnh trọng yếu: hình thành đội ngũ nhà giáo có tri thức sâu, có năng lực sáng tạo, và có bản lĩnh nghề nghiệp để dẫn dắt sự phát triển của cộng đồng học thuật và hệ thống giáo dục quốc dân. Vận dụng thuyết DTT trong quá trình này mở ra nhiều triển vọng, không chỉ ở bình diện phương pháp sư phạm, mà còn ở tầm nhìn chiến lược nhằm nuôi dưỡng cá tính học thuật, khơi dậy tiềm năng riêng của từng cá nhân, đồng thời kiến tạo đội ngũ giáo viên gắn bó chặt chẽ với công cuộc chuyển đổi số và hội nhập quốc tế. Có thể triển khai định hướng này theo bốn cách tiếp cận chủ đạo:

Thứ nhất, chương trình đào tạo cần ưu tiên phát triển trí tuệ độc đáo của từng học viên. Mỗi học viên cao học mang trong mình hệ giá trị, trải nghiệm và năng lực riêng. Khi được nhận diện và khai thác, những năng lực ấy tạo nên động lực nội tại, nuôi dưỡng sự tự tin, khẳng định bản sắc cá nhân, đồng thời góp phần hình thành một thể hệ giáo viên biết phát huy điểm mạnh để đồng hành cùng người học theo tinh thần tôn trọng sự khác biệt. Thứ hai, quá trình dạy - học cần dựa trên “đa phương thức” (multimodality) để làm giàu trải nghiệm học tập. Sự kết hợp giữa ngôn ngữ, hình ảnh, nghệ thuật, vận động, công nghệ và hợp tác xã hội giúp học viên tiếp cận tri thức một cách đa chiều. Nhờ đó, nhiều loại trí tuệ được huy động đồng thời, tạo nên sự linh hoạt trong tiếp nhận, xử lý và chuyển hóa thông tin. Đây chính là nền tảng cho những hoạt động học tập sáng tạo, khuyến khích tư duy phê phán và khả năng phản tư sâu sắc. Thứ ba, trong kỷ nguyên số, giáo dục bậc cao học cần tập trung phát triển trí tuệ gắn liền với năng lực chuyển đổi số. Công nghệ số trở thành không gian học tập mở, nơi học viên rèn luyện khả năng tìm kiếm, xử lý, sáng tạo và lan tỏa tri thức. Thông qua đó, các dạng trí tuệ truyền thống được mở rộng và tái cấu trúc để thích ứng với những yêu cầu mới, đồng thời tạo cơ hội cho giáo viên tham gia mạng lưới tri thức toàn cầu, kết nối cộng đồng học thuật quốc tế và khẳng định vị thế của giáo dục Việt Nam. Thứ tư, tăng phát triển cao nhất hướng tới xây dựng năng lực nghiên cứu khoa học và bản sắc học thuật gắn với từng loại

trí tuệ. Khi mỗi trí tuệ trở thành một lăng kính tiếp cận tri thức, người học hình thành phương pháp nghiên cứu riêng, phát triển phong cách học thuật độc đáo và kiến tạo tri thức có giá trị cho cộng đồng. Đây là quá trình nuôi dưỡng những nhà giáo - nhà nghiên cứu có bản lĩnh sáng tạo, biết tự khai thác tiềm năng cá nhân để cống hiến cho sự phát triển của khoa học giáo dục và sự trưởng thành của xã hội tri thức.

Bốn định hướng trên cấu thành một khung tiếp cận toàn diện, trong đó DTT vừa là nền tảng phương pháp, vừa là kim chỉ nam chiến lược. Đây chính là nền móng để giáo dục Việt Nam đồng

hành cùng sự vươn mình mạnh mẽ của dân tộc trong kỷ nguyên hội nhập toàn cầu.

III. KẾT LUẬN

Lý thuyết DTT trong đào tạo giáo viên bậc cao học tại Việt Nam tạo nên nền tảng phương pháp và tầm nhìn chiến lược để phát triển năng lực toàn diện. Lý thuyết này khẳng định giá trị của sự đa dạng trí tuệ, đồng thời thúc đẩy bản sắc học thuật, năng lực nghiên cứu và khả năng hội nhập quốc tế. Nhờ vậy, đội ngũ nhà giáo - nhà nghiên cứu được hình thành với tri thức sâu hơn, bản lĩnh sáng tạo và tinh thần đồng hành cùng sự vươn mình của dân tộc trong kỷ nguyên hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi, T. S., & Dương, T. O. (2019). Vận dụng Thuyết đa trí tuệ trong học tập và giáo dục người lớn. *Tạp Chí Khoa Học Giáo Dục Việt Nam*, 23, 11-15.
- Dương, H. C. (2017). Vận dụng lý thuyết đa trí tuệ tổ chức dạy học bài Tự nhiên - Xã hội bằng sơ đồ tư duy. *Tạp Chí Khoa Học Đại học Đồng Tháp*, (29), 25-29.
- Gardner, H., & Hatch, T. (1989). Educational implications of the theory of multiple intelligences. *Educational Researcher*, 18(8), 4-10.
- Gardner, H., & Moran, S. (2006). *The science of multiple intelligences theory: A response to Lynn Waterhouse. Educational Psychologist*, 41(4), 227-232. https://doi.org/10.1207/s15326985ep4104_2
- Lê, X. M., Phan, N. T. V., Lê, C. T., Bùi, N. Q., & Trịnh, Q. L. (2025). Đào tạo giáo viên trình độ cao học ở Anh và Việt Nam: Hai bối cảnh, một mục tiêu phát triển nghề nghiệp. *Tâm Lý Giáo Dục*, 31(8), 146-149.
- Phạm, T. T. P., & Lê, T. P. A. (2025). Vận dụng thuyết đa trí tuệ trong dạy học đọc hiểu văn bản nghị luận xã hội cho học sinh lớp 6. *Tạp chí Giáo dục*, 48-52.
- Phan, N. H., Trịnh, Q. L., & Lê, C. T. (2025). Factors hindering EFL Master's students' motivation in research engagement: A self-determination perspective. *Pakistan Journal of Life and Social Sciences*, 23(1), 1782-1795. <https://doi.org/10.57239/PJLSS-2025-23.1.00138>
- Vũ, T. C. V. (2020). Vận dụng thuyết đa trí tuệ trong dạy học Tập làm văn nhằm phát triển năng lực sáng tạo của học sinh lớp 3 Trường Tiểu học, Trung học Cơ sở và Trung học phổ thông Thực nghiệm Khoa học Giáo dục. *Tạp Chí Giáo dục*, 476, 34-37.